

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày

tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó,
huyện Pác Nặm giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 1216-TB/TU ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 63 (khóa XII) nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Nhiệm vụ đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2030, định hướng đến 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 74/TTr-SXD ngày 09 tháng 01 năm 2024; Báo cáo kết quả thẩm định số 2420/BC-SXD ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch khoảng 5.336,53ha trong phạm vi diện tích đất tự nhiên của xã Bộc Bó, có ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Nhận Môn, xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm.

+ Phía Đông giáp xã Bằng Thành, xã Xuân La, huyện Pác Nặm.

+ Phía Tây giáp xã Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm.

+ Phía Nam giáp xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm.

- Tổng diện tích lập Quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050 khoảng 550 ha. Trong đó, diện tích lập điều chỉnh quy hoạch khoảng 250 ha trong phạm vi đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 10/12/2012; phạm vi mở rộng, điều chỉnh quy hoạch khoảng 300 ha; cụ thể:

+ Mở rộng về phía Tây đường đi xã Cổ Linh và Công Bằng, khoảng 60ha.

+ Mở rộng về phía Đông đường đi xã Bằng Thành, khoảng 140ha.

+ Mở rộng về phía Nam đường đi xã Xuân La, khoảng 90ha.

+ Mở rộng về phía Bắc đường đi xã Nhận Môn, khoảng 30ha.

+ Điều chỉnh giảm diện tích các khu vực đồi núi cao, không thuận lợi cho xây dựng với diện tích khoảng 20ha ở các vị trí Tây Nam và Tây Bắc của khu vực quy hoạch.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ

- Giai đoạn quy hoạch năm 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

- Tỷ lệ bản đồ 1/5.000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị

- Tính chất: Là trung tâm huyện lỵ, trung tâm tổng hợp chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, du lịch, dịch vụ thương mại của huyện Pác Nặm; là đầu mối giao thông thúc đẩy kinh tế của huyện và khu vực phía Tây Bắc tỉnh Bắc Kạn.

- Chức năng: Là đô thị hạt nhân (đô thị loại V) có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng huyện Pác Nặm.

- Động lực phát triển đô thị: Là trung tâm của huyện Pác Nặm, nằm trên trục ĐT.258B, đầu mối giao thông liên vùng phía Tây Bắc của tỉnh Bắc Kạn, là khu vực định hướng phát triển kinh tế của huyện với nông, lâm nghiệp làm nền tảng; thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng mang bản sắc vùng miền là động lực phát triển đô thị.

5. Quy mô dân số, quy mô sử dụng đất

5.1. Quy mô dân số

Dân số hiện trạng của xã Bộc Bó là 4.967 người, dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng 5.800 người, dự báo đến năm 2050 khoảng 8.000 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất

- Quy mô lập quy hoạch đô thị khoảng 550 ha.

- Diện tích đất xây dựng đô thị: Quy hoạch đến năm 2030 khoảng 162,06ha; định hướng đến năm 2050 khoảng 181,25 ha.

Bảng cơ cấu sử dụng đất quy hoạch

| TT | Nhóm chức năng/ Loại chức năng | Đến năm 2030 | | Định hướng đến năm 2050 | |
|----------|--|----------------|---------------|-------------------------|---------------|
| | | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
| | Tổng diện tích đất | 550,00 | 100,00 | 550,00 | 100,00 |
| A | Đất xây dựng đô thị | 162,06 | 29,47 | 181,25 | 32,95 |
| I | Khu đất dân dụng | 57,93 | 10,53 | 77,12 | 14,02 |
| 1 | Nhóm nhà ở | 13,98 | 2,54 | 17,88 | 3,25 |
| 1.1 | Nhóm nhà ở quy hoạch | 9,34 | 1,70 | 13,24 | 2,41 |
| 1.2 | Làng xóm đô thị hoá | 4,64 | 0,84 | 4,64 | 0,84 |
| 2 | Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ (tỷ lệ đất ở 80%) | 19,43 | 3,53 | 32,56 | 5,92 |
| 3 | Giáo dục | 2,79 | 0,51 | 2,79 | 0,51 |
| | Trường Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non | 2,79 | 0,51 | 2,79 | 0,51 |
| 4 | Dịch vụ - công công khác cấp đô thị | 2,79 | 0,51 | 2,79 | 0,51 |
| 4.1 | Đất y tế | 0,47 | 0,09 | 0,47 | 0,09 |
| 4.2 | Văn hoá, thể dục thể thao | 2,01 | 0,37 | 2,01 | 0,37 |
| | <i>Sân thể thao cơ bản</i> | 1,05 | 0,19 | 1,05 | 0,19 |
| | <i>Nhà văn hoá</i> | 0,96 | 0,17 | 0,96 | 0,17 |
| 4.3 | Thương mại | 0,31 | 0,06 | 0,31 | 0,06 |

| | | | | | |
|-----------|--|---------------|--------------|---------------|--------------|
| 5 | Cơ quan, trụ sở cấp đô thị | 1,03 | 0,19 | 1,03 | 0,19 |
| 6 | Cây xanh sử dụng công cộng | 2,48 | 0,45 | 4,20 | 0,76 |
| 7 | Giao thông đô thị | 14,80 | 2,69 | 15,24 | 2,77 |
| 7.1 | Đường giao thông | 12,90 | 2,35 | 12,90 | 2,35 |
| 7.2 | Bãi đỗ xe | 1,90 | 0,35 | 2,34 | 0,43 |
| 8 | Hạ tầng kĩ thuật khác cấp đô thị | 0,63 | 0,11 | 0,63 | 0,11 |
| II | Khu đất ngoài dân dụng | 104,13 | 18,93 | 104,13 | 18,93 |
| 1 | Trung tâm đào tạo | 4,47 | 0,81 | 4,47 | 0,81 |
| 1.1 | Trung tâm GDNN-GDTC | 2,65 | 0,48 | 2,65 | 0,48 |
| 1.2 | Trường THPT | 1,82 | 0,33 | 1,82 | 0,33 |
| 2 | Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị | 4,22 | 0,77 | 4,22 | 0,77 |
| 3 | Đất thương mại | 2,48 | 0,45 | 2,48 | 0,45 |
| 4 | Đất dịch vụ, du lịch | 6,08 | 1,11 | 6,08 | 1,11 |
| 5 | Đất y tế | 1,66 | 0,30 | 1,66 | 0,30 |
| 6 | Văn hoá - thể dục thể thao | 7,42 | 1,35 | 7,42 | 1,35 |
| 6.1 | Sân vận động | 2,50 | 0,45 | 2,50 | 0,45 |
| 6.2 | Trung tâm văn hoá - thể thao | 3,69 | 0,67 | 3,69 | 0,67 |
| 6.3 | Nhà thiếu nhi | 1,23 | 0,22 | 1,23 | 0,22 |
| 7 | Đất tôn giáo, di tích | 0,17 | 0,03 | 0,17 | 0,03 |
| 8 | Anh ninh | 1,30 | 0,24 | 1,30 | 0,24 |
| 9 | Đất quốc phòng | 1,14 | 0,21 | 1,14 | 0,21 |
| 10 | Đường giao thông đối ngoại | 36,97 | 6,72 | 36,97 | 6,72 |
| 11 | Hạ tầng kĩ thuật khác | 1,11 | 0,20 | 1,11 | 0,20 |
| 12 | Cây xanh hạn chế | 37,11 | 6,75 | 37,11 | 6,75 |
| B | Khu nông nghiệp và chức năng khác | 181,53 | 33,01 | 181,10 | 32,93 |
| 1 | Đất sản xuất nông nghiệp | 8,65 | 1,57 | 8,65 | 1,57 |
| 2 | Lâm nghiệp | 141,46 | 25,72 | 141,03 | 25,64 |
| 3 | Sông, suối, ao, hồ | 31,42 | 5,71 | 31,42 | 5,71 |
| C | Đất dự trữ phát triển | 206,41 | 37,53 | 187,65 | 34,12 |

6. Định hướng phát triển không gian đô thị

6.1. Định hướng phát triển đô thị

- Trung tâm xã Bộc Bó được phát triển trên cơ sở trục không gian chủ đạo là trục đường 27m hiện hữu.

- Hướng phát triển đô thị: Phát triển theo trục Bắc Nam trên cơ sở trục đường 27m hiện hữu. Trục Đông Tây phát triển dọc theo sông Năng, dọc theo 2 tuyến đường liên xã đi xã Bằng Thành và xã Công Bằng.

* Cấu trúc không gian đô thị

- Khu vực phát triển đô thị: Cấu trúc thành 02 khu vực

+ Khu vực số 01: Diện tích khoảng 274 ha, dân số đến năm 2030 khoảng 2.800 người và đến năm 2050 khoảng 3.500 người; gồm khu vực phía Đông trục đường 27m, diện tích một phần các thôn Đông Léo, Khâu Đắng, Nà Nghè, Nà Phần, Khuổi Bẻ, Nà Lầy; quy hoạch các khu chức năng thương mại dịch vụ, đất ở kết hợp các khu chỉnh trang đô thị, khu vực dự trữ phát triển.

+ Khu vực số 02: Diện tích khoảng 276 ha, dân số đến năm 2030 khoảng 3.000 người và đến năm 2050 khoảng 4.500 người; gồm khu vực phía Tây trục đường 27m, diện tích một phần các thôn Nà Coóc, Nà Lặng, Nà Phầy, Nặm Mây; quy hoạch các khu chức năng trung tâm hành chính, văn hoá, kết hợp các khu chỉnh trang đô thị, khu dự trữ phát triển.

- Khu vực cải tạo, chỉnh trang: Toàn bộ khu vực đô thị hiện hữu theo quy hoạch 2012 đã được duyệt; các trụ sở cơ quan đã được hình thành như Tòa án, Kho bạc, Ngân hàng, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện, Viện kiểm sát, Viễn thông... và các khu dân cư hiện hữu; cải tạo chỉnh trang nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng các tiêu chí của đô thị.

6.2. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

a) Các đơn vị ở

Đơn vị ở số 1 gồm khu vực phát triển phía Đông trục đường 27m được cấu trúc thành 03 trung tâm tại khu vực thôn Nà Phần- Khâu Đắng; khu vực thôn Khuổi Bẻ- Nà Lầy và khu vực thôn Nà Nghè. Đơn vị ở số 2 gồm khu vực phát triển phía Tây, phía Bắc khu trung tâm hiện hữu và được cấu trúc thành 03 trung tâm tại thôn Nặm Mây; khu vực thôn Nà Phầy- Nà Lặng; khu vực thôn Nà Coóc.

- Đất nhóm nhà ở chủ yếu phân bố dọc theo 02 tuyến đường liên xã đi Bằng Thành và Công Bằng, dọc tuyến ĐT.258B; tổng diện tích đất nhóm nhà ở khoảng 13,98ha. Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ bố trí một số khu vực như dọc trục đường 27m, phía Bắc thuộc các thôn Nà Phần, Khâu Đắng,...; trong đó, tỷ lệ đất ở chiếm 80%; tổng diện tích khoảng 19,43ha.

b) Khu đất giáo dục

Giữ nguyên vị trí, quy mô các trường hiện có. Tổng quy mô diện tích đất giáo dục khoảng 7,26ha.

c) Khu đất y tế

Trung tâm y tế huyện Pác Nặm nằm ở thôn Đông Léo, định hướng đến năm 2030 mở rộng quy mô lên 100 giường. Trạm y tế xã nằm ở thôn Nà Phần. Tổng quy mô diện tích đất y tế khoảng 2,13ha.

d) Khu văn hoá, thể thao

Nhà văn hoá trung tâm huyện đã xây dựng hoàn thiện, tiếp giáp tuyến đường 27m; cung thiếu nhi, quảng trường, nhà thi đấu đa năng bố trí tại khu vực phía Bắc, đầu trục trung tâm kéo dài; sân vận động trung tâm giữ nguyên tại vị trí hiện tại. Tổng diện tích đất văn hoá, thể dục thể thao khoảng 9,43ha.

e) Khu vực phát triển du lịch

Phát triển dịch vụ du lịch dạng homestay, khu nghỉ dưỡng sinh thái mật độ xây dựng thấp, mang bản sắc địa phương, nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng tùy theo diện tích và độ cao từng khu vực. Định hướng du lịch văn hoá bản địa ở khu vực thôn Khâu Đắng, thôn Năm Mây, thôn Nà Coóc và thôn Nà Phây; đất dịch vụ du lịch được bố trí cụ thể ở khu vực thôn Năm Mây, định hướng liên kết với du lịch lễ hội Mùa Lả của xã Cổ Linh. Ngoài ra, kết hợp du lịch sinh thái tại các khu vực ruộng bậc thang hiện có với mục đích du lịch trải nghiệm. Tổng diện tích đất dịch vụ, du lịch theo quy hoạch khoảng 6,08ha.

f) Đất dự trữ phát triển

Đất dự trữ phát triển được quy hoạch theo các trục chính của đô thị; ngoài ra, còn nằm ở các khu vực phía Tây, phía Đông, phía Nam khu vực quy hoạch. Quy mô khoảng 206,41ha.

g) Khu đất cơ quan, trụ sở

Đất cơ quan hành chính của huyện gồm khối trụ sở Huyện ủy; trụ sở HĐND&UBND nằm ở thôn Nà Coóc. Trụ sở UBND xã Bộc Bốc nằm tại thôn Đông Lèo. Các cơ quan khác như Ngân hàng, Kho bạc, Công an huyện, Viện kiểm sát giữ nguyên tại vị trí hiện hữu thuộc đơn vị ở số 2. Tổng quy mô diện tích đất cơ quan trụ sở cấp đô thị và ngoài đô thị khoảng 5,25ha.

h) Khu đất thương mại

Chợ trung tâm được xây dựng tiếp giáp với đường 27m; các chợ dân sinh nằm tại các vị trí trung tâm đơn vị ở. Tổ chức các điểm dừng là các cửa ngõ của đô thị. Tổng diện tích đất thương mại khoảng 2,79ha.

i) Khu đất cây xanh, hồ nước

- Cây xanh đô thị quy hoạch tập trung tại khu trung tâm đô thị, tiếp giáp đường 27m, gần khu trung tâm hành chính, tạo điểm nhấn cho cảnh quan khu vực trung tâm. Tận dụng tối đa cây xanh mặt nước, địa hình đồi núi trong khu vực và cảnh quan sông Năng. Tổng diện tích đất cây xanh khoảng 2,48ha.

- Quy hoạch hồ điều hoà kết hợp khai thác cảnh quan khu vực cánh đồng Giã Ve, quy mô diện tích mặt hồ khoảng 10ha.

k) Quốc phòng, an ninh

Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện giữ nguyên vị trí hiện hữu tại thôn Nà Coóc. Quy hoạch xây dựng trụ sở Công an xã tại thôn Đông Lèo. Tổng quy mô diện tích đất an ninh, quốc phòng khoảng 2,44ha.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Hệ thống giao thông

a) *Giao thông đối ngoại*: Nâng cấp cải tạo ĐT.258B (đoạn từ xã Xuân La đi xã Bộc Bó), ĐT.258C (đoạn từ xã Bộc Bó đi xã Bằng Thành) quy hoạch thành tuyến đường có mặt cắt 16,5m (lòng đường 7,5m, vỉa hè 2x4,5m). Hoàn thiện đoạn đường ĐT.258B tránh Trung tâm đạt tiêu chuẩn đường đô thị và đường tỉnh lộ với lộ giới 16,5 m (lòng đường 7,5m, vỉa hè 2x4,5m).

b) Giao thông đô thị

+ Đường trục chính đô thị: Lộ giới 27,0m (lòng đường 2x7,5m, hè đường 2x5,0m, dải phân cách 2,0m) (mặt cắt 1-1).

+ Đường khu vực: Lộ giới 18,5m (lòng đường 7,5m, hè đường 2x5,5m) (mặt cắt 2-2).

+ Đường khu vực: Lộ giới 16,5m (lòng đường 7,5m, hè đường 2x4,5m) (mặt cắt 3-3).

+ Bổ sung tuyến đường dọc sông Năng sau khi chỉnh trị dòng sông Năng tại khu vực Trạm bơm cấp 1 của Nhà máy nước Bộc Bó và tại khu vực sau Vườn ươm đến vị trí cầu treo hiện trạng sau Trạm y tế xã Bộc Bó; mặt cắt 16,5m (lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x4,5m).

c) *Giao thông tỉnh*: Quy hoạch vị trí bến xe về phía Nam, khu vực cửa ngõ phía Nam của xã, quy mô khoảng 1,4ha.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (san nền, thoát nước mặt)

a) Định hướng san nền

- Tận dụng địa hình tự nhiên; thiết kế san nền đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy; kết hợp hài hòa giữa khu vực xây mới và khu vực hiện trạng, đảm bảo khối lượng đào đắp là thấp nhất.

- Xác định cao độ không chế của Trung tâm xã Bộc Bó $H \geq 280,5m$; giải pháp đào đắp cục bộ tại các khu vực xây dựng mới, giữ nguyên hiện trạng cho khu vực trung tâm; đồng thời, cải tạo lại nền của khu trung tâm cho phù hợp với các tuyến đường đã hình thành.

b) Định hướng thoát nước mưa

- Thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy và nước mưa được thu vào hệ thống công thoát nước hai bên đường, đổ ra các suối nhánh và suối thoát nước chính của xã.

- Phân chia khu vực: Cơ bản vẫn giữ nguyên các lưu vực và hướng thoát nước tự nhiên. Nước mưa trên từng lưu vực được thu gom bởi hệ thống công thu dọc đường, tập trung về công chính lưu vực sau đó thoát ra suối tại các cửa xả.

- Các giải pháp kỹ thuật khác: Nạo vét, khơi thông các khe tụ thủy, thông thoáng dòng chảy để tiêu thoát nước nhanh ra sông. Kè sông suối đoạn qua đô thị tránh xói lở, lũ quét, đảm bảo cảnh quan đô thị.

7.3. Hệ thống cấp điện

- Nhu cầu dùng điện: Giai đoạn đến năm 2030 là 2.488,2 kW; định hướng đến năm 2050 là 3.432 kW.

- Nguồn điện: Từ nguồn điện lưới 35kV- lộ 371-E26 và 373E26 hiện có.

- Trạm biến áp 35/0,4kV: Phân phát triển theo khu vực dự kiến phát triển, giải pháp hạ ngầm đường dây 35kV xây dựng mới, TBA hợp bộ xây dựng mới.

+ Xây lắp mới các trạm biến áp từ 100kVA đến 320kVA hợp bộ khu dân cư mới đảm bảo cấp điện cho toàn khu vực. Trạm biến áp phục vụ khu thương mại, công cộng được tính cụ thể trong bước dự án.

+ Hệ thống chiếu sáng đồng bộ với hạ tầng, hạ ngầm các khu dân cư mới, phát triển theo đô thị, hệ thống hiện trạng cải tạo lại và hạ ngầm phần nội thị phát triển.

7.4. Hệ thống thông tin liên lạc

a) Viễn thông

- Dự báo nhu cầu thông tin liên lạc đến năm 2030 là 5.000 thuê bao.

- Giải pháp quy hoạch: Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp, tốc độ và chất lượng cao; hạ ngầm các loại cáp trên đường phố để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan cho đô thị.

b) *Bưu chính*: Nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng các dịch vụ sẵn có. Chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

7.5. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Lấy từ nước mặt sông Năng, trạm xử lý tại thôn Nà Lặng.

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt đến năm 2030 khoảng 850m³/ngày đêm; đến năm 2050 dự báo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt khoảng 1.160m³/ngày đêm.

- Giải pháp cấp nước: Công suất trạm xử lý cấp nước hiện trạng đảm bảo nhu cầu cấp nước.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng vòng kết hợp mạng nhánh. Đường ống cấp nước bố trí trên vỉa hè, chôn sâu tối thiểu 0,7m từ đỉnh ống.

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa: Mạng lưới cấp nước cứu hỏa được bố trí chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

7.6. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Tổng lượng nước thải cần thu gom và xử lý đến năm 2030 là 638m³/ngày đêm, định hướng đến năm 2050 là 880m³/ngày đêm.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải đồng bộ. Hệ thống mạng lưới thoát nước thải được thiết kế đi riêng, mạng lưới thoát nước tự chảy thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ đã qua xử lý cục bộ.

- Mạng lưới thoát nước thải được phân chia thành 4 hệ thống thu gom chính như sau: Nước thải phía Đông Bắc giáp với xã Bằng Thành được thu gom xử lý cục bộ. Nước thải từ khu phía Bắc sông Năng thu gom tới trạm xử lý số 02 có công suất 150m³/ngày đêm. Nước thải khu phía Đông và trung tâm được thu gom về trạm bơm nước thải số 01 công suất 500m³/ngày đêm và trạm số 02 công suất 100m³/ngày đêm; nước thải được bơm về trạm xử lý số 01 của xã Bộc Bó công suất 800m³/ngày đêm. Nước thải khu phía Nam, Tây Nam và phía Tây được thu gom về trạm xử lý số 01 của xã Bộc Bó.

- Chất thải rắn: Rác thải được thu gom, vận chuyển đến bãi rác nằm ngoài phạm vi lập quy hoạch. Khối lượng chất thải rắn (theo tiêu chuẩn 1,0kg/người/ngày đêm), đến năm 2030 khoảng 6,96 t/ngày đêm; đến năm 2050 khoảng 9,6 t/ngày đêm.

- Bùn thải: Khối lượng bùn thải (tiêu chuẩn 0,05m³/người.năm) đến năm 2030 khoảng 290m³/năm; khối lượng đến năm 2050 khoảng 400m³/năm.

- Nghĩa trang: Quy hoạch nghĩa trang tập trung, dự kiến bố trí ngoài khu vực nội thị đảm bảo khoảng cách về môi trường, quy mô khoảng 5-10ha.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

8.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập các quy hoạch chi tiết; khu nghĩa trang nhân dân; khu xử lý chất thải... . Các quy hoạch này sẽ là cơ sở cho quản lý đầu tư xây dựng, kiểm soát phát triển và thu hút đầu tư cho các thành phần kinh tế, nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Các dự án xây dựng về công trình hạ tầng kỹ thuật

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến liên vùng, liên xã.

+ Xây dựng đường giao thông nội thị thuộc xã Bộc Bó; đường giao thông nội thị trung tâm huyện Pác Nặm.

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông liên thôn, trục thôn tại các thôn thuộc xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm.

+ Dự án cấp điện nông thôn huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Các dự án xây dựng về công trình hạ tầng xã hội

+ Xây dựng Nhà tập luyện và thi đấu đa năng.

+ Xây dựng nâng cấp Sân vận động trung tâm huyện Pác Nặm.

+ Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non Bộc Bó.

+ Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Bộc Bó.

+ Xây dựng Nhà văn hóa thiếu nhi huyện Pác Nặm.

+ Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm huyện.

+ Xây dựng khu nghĩa trang nhân dân.

- + Xây dựng nhà tang lễ trung tâm huyện.
- + Chinh trang đô thị và xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị.

8.2. Nguồn lực thực hiện

- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng nhu cầu nguồn vốn thực hiện là 1.930 tỷ đồng; trong đó, ngân sách đã và đang bố trí thực hiện khoảng 844 tỷ đồng; ngân sách cần bổ sung khoảng 1.086 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2030-2050: Tổng nhu cầu nguồn vốn thực hiện là 2.098 tỷ đồng.

- Nguồn vốn thực hiện

+ Nguồn vốn ngân sách Trung ương: Thực hiện cải tạo, xây mới tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình xã hội cấp tỉnh.

+ Nguồn vốn của tỉnh: Thực hiện cải tạo, xây dựng mới các mạng đường chính, phân khu vực và hệ thống hạ tầng xã hội cấp huyện, cấp xã.

+ Nguồn vốn của huyện: Thực hiện các dự án xây dựng, các chương trình, các quy hoạch, các dự án phát triển nông nghiệp.

+ Nguồn vốn xã hội hóa: Nguồn vốn từ mời gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án với những chính sách và hình thức như ưu đãi đầu tư, đổi đất lấy hạ tầng... .

+ Các nguồn vốn khác: Vốn hỗ trợ của nước ngoài, vốn từ các chương trình mục tiêu Quốc gia và nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. UBND huyện Pác Nặm

- Chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa sau khi đồ án được phê duyệt, có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức lập các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung được duyệt làm cơ sở quản lý đất đai, trật tự xây dựng, quản lý kiến trúc đô thị và mời gọi đầu tư phát triển đô thị.

- Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư, phát triển và nâng cấp đô thị.

- Đề xuất các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9.2. Sở Xây dựng

- Tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc theo quy định làm cơ sở để quản lý kiến trúc, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

9.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai và môi trường trong đô thị; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được duyệt.

9.4. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt Quy hoạch này.

(Có hồ sơ chi tiết kèm theo)

Điều 2. UBND huyện Pác Nặm có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt theo đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Pác Nặm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu VT, GTCNXD (Hiên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Quang Tuyên